TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/DS-ST
Ngày: 15/7/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Ba.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 636/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T- Chức vụ: P. Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Giao dịch Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh Đ.

(Quyết định ủy quyền số: 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Anh Lê Quốc A, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền số 17/GUQ ngày 26/3/2024). (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị T1, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ A, khu C, ấp G, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2024 và các lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do anh Lê Quốc A đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 12/9/2022, chị Trần Thị T1 có ký kết với Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh Đ- Phòng G Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số: 181/TTD/22 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và phiếu cấp mã QR xem Biểu phí, Điều khoản, Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của chị T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 90.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, chị T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Kể từ khi sử dụng và kích hoạt thẻ từ ngày 15/9/2022 đến 05/4/2023 chị T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 16.730.000 đồng. Qua thời gian sử dụng thẻ, chị T1 đã không thanh toán thêm cho Ngân hàng khoản tiền nào. Ngân hàng nhiều lần làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhưng chị T1 vẫn không có thiện chí thanh toán nợ. Do, chị T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 15/7/2024, chị T1 còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 80.169.756 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.019.272 đồng; Nợ lãi quá hạn: 40.424.292 đồng. Tổng cộng: 121.613.320 (Một trăm hai mươi mốt triệu, sáu trăm mười ba nghìn ba trăm hai mươi) đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc chị Trần Thị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 15/7/2024 là 121.613.320 (Một trăm hai mươi mốt triệu, sáu trăm mười ba nghìn ba trăm hai mươi) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 80.169.756 đồng đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.019.272 đồng; Nợ lãi quá hạn: 40.424.292 đồng và chị Trần Thị T1 còn phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi chậm thanh toán phát sinh kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi thanh toán xong hết các khoản nợ.

+ Bị đơn chị Trần Thị T1 không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Trần Thị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 121.613.320 (Một trăm hai mươi mốt triệu, sáu trăm mười ba nghìn ba trăm hai mươi) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 80.169.756 đồng đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.019.272 đồng; Nợ lãi quá hạn: 40.424.292 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cho chị Trần Thị T1. Tại phiên tòa, chị T1 vắng mặt lần thứ hai không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị T1 phải thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số: 181/TTD/22, quan hệ pháp luật được xác định "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn chị Trần Thị T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để đến Tòa làm việc và cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nhưng chị T1 từ chối không đến Tòa cung cấp tài liệu, chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, lời khai của nguyên đơn đã có đủ cơ sở xác định: Chị Trần Thị T1 có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 181/TTD/22 ngày 12/9/2022 với Ngân hàng TMCP S. Chị Trần Thị T1 tuân thủ các quy định tại Điều 116, 117 của Bộ luật dân sự khi giao kết hợp đồng nên là hợp đồng hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Tổng số nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 181/TTD/22 ngày 12/9/2022, tính đến ngày 15/7/2024 chị T1 còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 121.613.320 (Một trăm hai mươi mốt triệu, sáu trăm mười ba nghìn ba trăm hai mươi) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 80.169.756 đồng đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.019.272 đồng; Nợ lãi quá hạn: 40.424.292 đồng.

Như vậy, quá trình thực hiện hợp đồng chị Trần Thị T1 đã vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị T1 phải trả

các khoản tiền nợ gốc, nợ lãi như nêu trên là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Do, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Trần Thị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 2.743.115 (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn một trăm mười lăm) đồng, theo biên lai số 0015769 ngày 10/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, 117, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với chị Trần Thị T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc chị Trần Thị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 121.613.320 (Một trăm hai mươi mốt triệu, sáu trăm mười ba nghìn ba trăm hai mươi) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 80.169.756 đồng đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.019.272 đồng; Nợ lãi quá hạn: 40.424.292 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Trần Thị T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

2. Về án phí: Chị Trần Thị T1 phải chịu 6.081.000 (Sáu triệu không trăm tám mươi mốt nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 2.743.115 (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn một trăm mười lăm) đồng, theo biên lai số 0015769 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND h. Long Thành;
- Chi cục THADS h. Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh